

Số: 05/2025/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu năm 2025 giữa ngân sách các
cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu năm 2025 giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu năm 2025 giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2025. Các quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

4. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh giai đoạn 2022 - 2025.

b) Nghị quyết số 196/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và cơ chế thưởng thu vượt dự toán ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2022 - 2025.

d) Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025.

đ) Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2025.

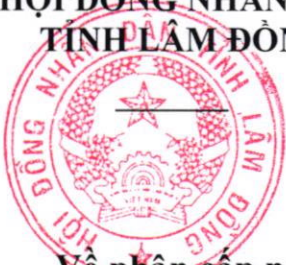
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPCP, VPQH;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái



QUY ĐỊNH

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia
các khoản thu năm 2025 giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương
của tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu năm 2025 giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

2. Trường hợp có quy định của cấp có thẩm quyền giao thêm nguồn thu, nhiệm vụ chi mà chưa được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị dự toán trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị; doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc tỉnh quản lý.

3. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước tại địa phương.

Chương II PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP

Điều 3. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính)

1. Thuế tài nguyên.
2. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; cấp quyền khai thác tài nguyên nước và tài nguyên khác do cấp tỉnh ra quyết định.
3. Thu tiền sử dụng đất và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể số thu từ đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiền ứng trước để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.
4. Lệ phí trước bạ (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất).
5. Lệ phí môn bài (không bao gồm lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh).
6. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.
7. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.
8. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.
9. Thu từ bán tài sản Nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị; doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc tỉnh quản lý.
10. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh.
11. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu thực hiện, sau khi trừ phần được trích để lại bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.
12. Lệ phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu (không bao gồm lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ).

13. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

14. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật.

15. Tiền bán lâm sản tận thu, tận dụng; tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

16. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

17. Thu tiền chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng của các dự án, công trình do cấp tỉnh đầu tư hoặc quản lý.

18. Thu tiền sử dụng rừng, cho thuê rừng do cấp tỉnh quyết định giao rừng, cho thuê rừng.

19. Thu tiền sử dụng khu vực biên giới với các trường hợp giao khu vực biên thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

20. Thu tiền bồi thường thiệt hại đất và tài sản do cấp tỉnh quản lý.

21. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

22. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

23. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

24. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

25. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính)

1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

4. Lệ phí trước bạ nhà, đất.

5. Thu từ bán tài sản Nhà nước do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp xã quản lý (không bao gồm thu tiền sử dụng đất).

6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ.

8. Lệ phí do cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện thu (không bao gồm lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ).

9. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

10. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp xã xử lý, sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật.

11. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác của cấp xã.

12. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

13. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

14. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

15. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

16. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính)

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);

c) Thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).

e) Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).

2. Tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu:

Các phường và các xã được hình thành từ các thị trấn (trước khi sáp nhập) được hưởng tỷ lệ phân chia các khoản thu là 5%, các xã còn lại hưởng 15%, riêng đặc khu Phú Quý hưởng 100%; cụ thể:

STT	Diễn giải	Tổng số	Tỷ lệ phần trăm phân chia	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
I	Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); Thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); Thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); Thuế tiêu thụ đặc biệt (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).			
1	Các phường	100%	95%	5%
	Riêng các khoản thu từ Nhà máy Bia Sài Gòn - Lâm Đồng tại Khu công nghiệp Lộc Sơn	100%	100%	0%
2	Đặc khu Phú Quý	100%	0%	100%
3	Các xã:			
	Xã Cư Jút	100%	95%	5%
	Xã Đức Lập	100%	95%	5%
	Xã Krông Nô	100%	95%	5%
	Xã Đức An	100%	95%	5%
	Xã Kiến Đức	100%	95%	5%
	Xã Liên Hương	100%	95%	5%
	Xã Phan Rí Cửa	100%	95%	5%
	Xã Bắc Bình	100%	95%	5%
	Xã Lương Sơn	100%	95%	5%
	Xã Hàm Thuận	100%	95%	5%
	Xã Hàm Thuận Nam	100%	95%	5%
	Xã Tân Minh	100%	95%	5%
	Xã Hàm Tân	100%	95%	5%
	Xã Tánh Linh	100%	95%	5%
	Xã Đức Linh	100%	95%	5%
	Xã Hoài Đức	100%	95%	5%
	Xã Đơn Dương	100%	95%	5%
	Xã D'Rand	100%	95%	5%
	Xã Đức Trọng	100%	95%	5%

	Xã Đình Văn Lâm Hà	100%	95%	5%
	Xã Nam Ban Lâm Hà	100%	95%	5%
	Xã Di Linh	100%	95%	5%
	Xã Bảo Lâm 1	100%	95%	5%
	Xã Đạ Huoai	100%	95%	5%
	Xã Đạ Huoai 2	100%	95%	5%
	Xã Đạ Tẻh	100%	95%	5%
	Xã Cát Tiên	100%	95%	5%
	Xã Cát Tiên 2	100%	95%	5%
4	Các xã còn lại	100%	85%	15%
II	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).	100%	100%	0%

Chương III PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; gồm:

a) Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh;

b) Đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng và các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;

d) Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

đ) Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại địa phương; đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật

e) Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

Các đơn vị, cơ sở giáo dục công lập (bao gồm hệ giáo dục thường xuyên) và các hoạt động sự nghiệp giáo dục khác thuộc tỉnh quản lý theo phân cấp; các trường

cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề công lập; Trường Chính trị tỉnh; chỉ công tác khuyến học và các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề khác thuộc tỉnh quản lý theo phân cấp;

Thực hiện các kế hoạch, đề án về giáo dục - đào tạo và dạy nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với giáo viên, học sinh, sinh viên; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi nghiên cứu, thực hiện các chương trình, đề tài khoa học cấp tỉnh; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và các hoạt động sự nghiệp khoa học - công nghệ khác thuộc tỉnh quản lý.

c) Quốc phòng: Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng của các lực lượng, đơn vị quân đội cấp tỉnh, phân giao cho địa phương quản lý theo quy định.

d) An ninh, trật tự, an toàn xã hội: Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và bảo vệ biên giới của các lực lượng, đơn vị công an cấp tỉnh, phân giao cho địa phương quản lý; chi hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn theo quy định của pháp luật; hỗ trợ quản lý cư trú, đi lại của người nước ngoài tại địa phương.

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

Chi cho công tác phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập; chi hoạt động điều dưỡng, phục hồi chức năng; chi hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh quản lý theo phân cấp;

Chi thực hiện các kế hoạch, đề án về y tế, dân số và gia đình được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Chi đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do tỉnh quản lý được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng theo quy định.

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi hoạt động bảo tồn, bảo tàng, thư viện, chiếu phim, sản xuất phim, trợ giá báo, biểu diễn nghệ thuật, mỹ thuật, triển lãm, nhiếp ảnh, liên hoan, hội thi, hội diễn, xây dựng đô thị thông minh và các hoạt động văn hóa thông tin khác do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Chi hoạt động phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

h) Sự nghiệp thể dục, thể thao:

Chi cho các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao công lập và các hoạt động thể dục, thể thao do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện;

Chi thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh;

Chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và tham dự các giải thi đấu thể thao toàn quốc, các giải thi đấu thể thao khu vực.

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Chỉ cho các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường; đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thuộc phạm vi, thẩm quyền của cấp tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định của pháp luật.

k) Các hoạt động kinh tế, gồm:

Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản: Chỉ duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy lợi; chỉ hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến nuôi, quản lý bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng; chỉ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản, thực vật; phòng, chống thiên tai; chỉ hỗ trợ quan trắc, khí tượng, thủy văn, xây dựng dữ liệu ngành nông nghiệp; chỉ hỗ trợ về giá sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác các công trình thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

Lĩnh vực giao thông: Chỉ duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý; lắp đặt biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý;

Lĩnh vực tài nguyên: Chỉ điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch quản lý tài nguyên; đo đạc, lập bản đồ, cơ sở dữ liệu, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác của tỉnh;

Chỉ hoạt động khuyến công, hỗ trợ các làng nghề; hoạt động thương mại, du lịch và xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chỉ thực hiện các chính sách thu hút, ưu đãi đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực thuộc hoạt động kinh tế theo quy định của cấp có thẩm quyền;

Chỉ thực hiện các hoạt động kiến thiết thị chính và các lĩnh vực kinh tế khác do tỉnh quản lý.

l) Chi đảm bảo xã hội, gồm:

Chỉ cho các trại xã hội, cứu tế xã hội; chỉ cứu đói, phòng, chống tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác thuộc cấp tỉnh quản lý, thực hiện;

Chỉ thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng chính sách xã hội, đối tượng trợ giúp xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý.

m) Chi quản lý hành chính; gồm:

Chỉ bảo đảm hoạt động của các đơn vị dự toán trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

Chỉ hỗ trợ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

Chỉ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan khi được điều động, luân chuyển, biệt phái;

Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo quy định.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định.

3. Chi bổ sung Quỹ thi đua - khen thưởng cấp tỉnh.

4. Chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương do cấp tỉnh quản lý.

5. Chi hỗ trợ các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn, hỗ trợ các địa phương khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền vay của ngân sách cấp tỉnh.

7. Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh; chi từ nguồn huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh.

8. Chi viện trợ.

9. Chi dự phòng ngân sách cấp tỉnh

10. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

11. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh sang năm sau.

12. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

13. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã; gồm:

a) Chi đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã; đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã;

b) Chi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên do cấp xã quản lý;

c) Chi đầu tư thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

d) Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo:

Chi cho các trường công lập thuộc các cấp học, bậc học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (bao gồm hệ giáo dục thường xuyên);

Chi thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với giáo viên, học sinh, sinh viên thuộc xã quản lý;

Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc xã quản lý;

Chi hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục do cấp xã trực tiếp quản lý; hỗ trợ Trung tâm giáo dục cộng đồng; hỗ trợ, thăm hỏi nhân các ngày lễ lớn của ngành Giáo dục và Đào tạo; chi cho khai giảng, bế giảng; chi cho công tác khuyến học theo phân cấp và các hoạt động giáo dục khác do cấp xã quản lý.

b) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng; gồm:

Chi hoạt động của Ban chỉ huy quân sự cấp xã; chi lương, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã;

Chi cho công tác dân quân tự vệ: Chi trả tiền ăn, trợ cấp ngày công lao động, tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ; đăng ký, tổ chức thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; diễn tập, hội thi, hội thao, tổ chức hội nghị tập huấn, kỷ niệm ngày truyền thống dân quân tự vệ và các hoạt động quân sự khác do cấp xã tổ chức;

Chi thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo trị an, khu vực phòng thủ cấp xã;

Chi trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trụ sở, chốt trọng điểm; quản lý, bảo vệ cột mốc và an ninh biên giới.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; gồm:

Chi đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; chi trả lương, phụ cấp, trợ cấp cho các đối tượng do cấp xã quản lý;

Chi triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã; chi cho Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã; hỗ trợ các đợt ra quân giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng, chống cháy nổ và các hoạt động khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

d) Chi sự nghiệp y tế:

Chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế. Chi cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng an sinh xã hội, đối tượng chính sách do cấp xã quản lý.

Chi hỗ trợ hoạt động của trạm y tế cấp xã: hỗ trợ, thăm hỏi nhân các ngày lễ lớn của ngành Y tế; chi cho công tác tuyên truyền, phòng, chống dịch bệnh...

đ) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, du lịch và phát thanh, truyền hình:

Chi cho các hoạt động văn hóa, nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh và các hoạt động thông tin, thể dục thể thao do cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện;

Chi cho các hoạt động quản lý, xúc tiến, quảng bá, phát triển ngành du lịch;

Chi hoạt động của Ban chỉ đạo “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; hỗ trợ công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng khu, cụm dân cư văn hóa và chi sự nghiệp văn hóa thông tin khác do cấp xã quản lý.

e) Chi sự nghiệp nông nghiệp, môi trường và các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý:

Chi lĩnh vực nông nghiệp, môi trường: Chi duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, trạm nông nghiệp, trạm lâm nghiệp; chi hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng; phòng, chống cháy rừng; hỗ trợ về giá sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác các công trình thủy lợi thuộc xã quản lý; hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; chi đặt hàng, đấu thầu thực hiện các dịch vụ nông nghiệp, chăn nuôi, thú y, thủy sản... theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; quản lý đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo; nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Chi lĩnh vực giao thông: Chi duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường bộ và các công trình giao thông khác do cấp xã quản lý; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý;

Chi lĩnh vực tài nguyên: Chi đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cấp xã quản lý theo phân cấp;

Chi các hoạt động kiến thiết thị chính: Chi chỉnh trang đô thị; duy tu, bảo dưỡng, duy trì hoạt động của hệ thống giao thông, vỉa hè, chiếu sáng công cộng, công viên, cây xanh... tại các đô thị và các hoạt động quản lý đô thị khác;

Chi thực hiện các chính sách thu hút, ưu đãi đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực thuộc hoạt động kinh tế theo quy định của cấp có thẩm quyền;

Chi các hoạt động kinh tế khác do cấp xã quản lý theo phân cấp.

g) Chi đảm bảo xã hội; gồm:

Chi trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã đã nghỉ việc; chi cứu tế xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp xã quản lý;

Chi thăm hỏi gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết; chi trợ cấp xã hội cho người già neo đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách xã hội khác đối với các đối tượng do cấp xã quản lý.

h) Chi quản lý hành chính; gồm:

Chi bảo đảm hoạt động của Đảng cộng sản, Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã;

Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù cấp xã theo quy định của pháp luật;

Chi thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố;

Chi hỗ trợ đối với cán bộ công chức, viên chức, sĩ quan khi được điều động, luân chuyển, biệt phái;

Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo quy định;

Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố và các lực lượng khác theo quy định; tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở;

Chi hoạt động của Ban giám sát cộng đồng; Ban thanh tra nhân dân và các hoạt động quản lý nhà nước khác tại cấp xã.

i) Chi ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp xã; hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ.

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên do cấp xã quản lý.

4. Chi hỗ trợ các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn, hỗ trợ các địa phương khác theo quy định của Luật Ngân sách, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024.

5. Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã; chi từ nguồn huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã.

6. Chi bổ sung Quỹ thi đua - khen thưởng cấp xã.

7. Chi dự phòng ngân sách cấp xã.

8. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã sang năm sau.

9. Chi nộp trả ngân sách cấp trên. 